

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-11-2019

*Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hà

Ông Nguyễn Thế Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 358/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 358/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hoàng T**, sinh năm 1985;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 163 đường B, tổ 34, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở hiện nay: K1 H69/21 X, phường K, quận L, thành phố Đ. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn V**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Nhà số 163 đường B, tổ 34, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2019, bản tự khai ngày 05/8/2019, biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Hoàng T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hoàng T và ông Nguyễn V xây dựng gia đình vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng vào ngày 26/12/2009. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống tại nhà cha mẹ ông V địa chỉ số 163 đường B, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kể từ năm 2016 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xung đột, cãi vã lẫn nhau. Ông V thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, chửi bới, xúc phạm vợ và gia đình vợ. Trong năm 2019, ông V chơi cá độ bóng đá thua dẫn đến nợ nần, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên can nhưng vẫn không đạt kết quả. Từ tháng 7 năm 2019 đến nay, bà T đã chuyển về nhà mẹ ruột tại địa chỉ K1H69/21 đường X, phường K, quận L, thành phố Đ để sinh sống, cũng từ đó vợ chồng đã sống ly thân với nhau và không ai còn quan tâm đến ai.

Nay bà T xác định không còn tình cảm thương yêu ông V, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn V.

- *Về con chung*: Bà T xác định vợ chồng có 02 (hai) người con chung: Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày: 08/02/2011 và Nguyễn Hoàng Bảo K, sinh ngày: 29/12/2013. Theo bà T thì từ trước đến nay, bà là người trực tiếp chăm sóc, quan tâm các con; còn ông V thường xuyên đi làm xa, không có thời gian dành cho các con. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi người con mỗi tháng là 1.500.000 đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Bà T xác định không có.

- *Về nợ chung*: Bà T xác định không có.

* *Tại bản tự khai ngày 12/8/2019, biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa hòa giải, bị đơn là ông Nguyễn V trình bày*: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Hoàng T về thời gian và điều kiện kết hôn. Hôn nhân giữa ông và bà T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ông địa chỉ số 163 đường B, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng đầu năm 2018, ông được biết bà T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng ông đã tha thứ để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau đó, từ khoảng giữa năm 2018 đến

nay, do ông làm nghề xây dựng nên thường hay ăn nhậu, về trễ, không dành nhiều thời gian quan tâm đến gia đình và đôi lúc, ông có lời lẽ không đúng với vợ. Bản thân ông biết mình có lỗi nên kể từ khi bà T nộp đơn xin ly hôn, ông đã cố gắng thay đổi cách sống, hòa hợp với vợ con, gia đình. Từ tháng 7/2019, bà T tự ý chuyển về nhà cha mẹ ruột sống.

Nay bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông, ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn với bà Hoàng T. Ông mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ, cùng xây dựng hạnh phúc gia đình.

- *Về con chung*: Ông V xác định vợ chồng có 02 (hai) người con chung: Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày: 08/02/2011 và Nguyễn Hoàng Bảo K, sinh ngày: 29/12/2013. Ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên vấn đề con chung không đề cập giải quyết. Tuy nhiên, nếu phải ly hôn, ông V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Ông V xác định không có.

- *Về nợ chung*: Ông V xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Hoàng T đối với bị đơn là ông Nguyễn V về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà T được ly hôn với ông V.

Về con chung: Giao 02 con Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày: 08/02/2011 và Nguyễn Hoàng Bảo K, sinh ngày: 29/12/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi một người con là 1.500.000 đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là bà Hoàng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn V có địa chỉ tại số 163 đường B, tổ 34, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông Nguyễn V vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn V.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng T và ông Nguyễn V xây dựng gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng vào ngày 26/12/2009. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống tại địa chỉ số 163 đường B, phường G, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà T xác định là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau. Từ khoảng tháng 07/2019 đến nay, ông bà đã sống ly thân mỗi người mỗi nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Để ổn định cuộc sống, bà Hoàng T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn V. Còn về phía ông V, ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng cùng xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, cả bà T và ông V đều xác định giữa vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến có những lời lẽ không đúng với nhau. Mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi cả vợ và chồng cùng có ý thức và trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo biên bản xác minh tại nơi ông bà cư trú thể hiện ông bà đã tự sống ly thân mỗi người sống mỗi nơi. Do đó, nguyện vọng yêu cầu được ly hôn để không ràng buộc bởi quan hệ pháp lý của bà Hoàng T là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Nguyễn V mặc dù trong buổi hòa giải tại Tòa án, ông có nguyện vọng đoàn tụ nhưng ông vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, như vậy thể hiện việc ông không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn để xây dựng gia đình hạnh phúc nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận yêu cầu của ông.

[4] Về con chung: Bà T và ông V xác định vợ chồng có 02 (hai) người con chung: Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày: 08/02/2011 và Nguyễn Hoàng Bảo K,

sinh ngày: 29/12/2013. Ly hôn, cả hai ông bà đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung. Ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con; còn bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi người con mỗi tháng là 1.500.000 đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Xét thấy: Nguyên vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho các con của cả hai ông bà là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng một mặt phải căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên cũng như xem xét tới tâm sinh lý, giới tính và quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Hiện tại bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các con, cũng như không làm xáo trộn cuộc sống, tâm sinh lý của đứa trẻ nên cần giao hai người con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng, (mỗi một người con là 1.500.000 đồng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Bà Hoàng T và ông Nguyễn V xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Hoàng T và ông Nguyễn V xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Hoàng T phải chịu theo quy định của pháp luật và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, ông Nguyễn V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hoàng T về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với bị đơn là ông Nguyễn V.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hoàng T được ly hôn với ông Nguyễn V.
2. Về con chung: Giao 02 (hai) người con là: Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày: 08/02/2011 và Nguyễn Hoàng Bảo K, sinh ngày: 29/12/2013 cho bà Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (hai)

con mỗi tháng 3.000.000đ (*ba triệu đồng*), mỗi người con là 1.500.000 đồng, cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2019 và vào ngày 10 hàng tháng.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Hoàng T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà đã nộp theo biên lai thu số 0004995 ngày 05 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn V phải chịu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
 - VKSND quận Thanh Khê;
 - Chi cục THADS quận Thanh Khê;
 - UBND phường Chính Gián;
- (Giấy CNKH số 210 ngày 26/12/2009)
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đức Thiện